

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ

MỤC, TIÊU MỤC	NỘI DUNG	LOẠI 340/341 Kinh phí Công tác giám sát, Hoạt động kiểm tra, hậu kiểm, tháng hành động....hoạt động liên ngành ATTP (KTX)	LOẠI 340/341 Kinh phí KP thực hiện chế độ tiền thưởng cho Chi cục ATVSTP thuộc SYT BP cũ (KTX - 18)	LOẠI 130/131 (DP) KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ (KTX)	LOẠI 130/131 (DP) CHƯƠNG TRÌNH ATVSTP (KTX)	LOẠI 130/131 Kinh phí Chương trình Y tế - dân số; PCD khác (tai nạn thương tích, bệnh NN) (KTX)	LOẠI 130/134 Kinh phí hoạt động CCATVSTP BP cũ (TX)	LOẠI 130/134 Kinh phí trợ cấp tét CCATVSTP BP cũ (KTX)	LOẠI 130/139 Kinh phí hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo (KTX)	LOẠI 130/139 Kinh phí mua thẻ BHYT cho người nhiễm HIV/AIDS (KTX)	LOẠI 130/139 Hoạt động điều dưỡng, Hoạt động ngành (KTX)	LOẠI 130/139 Kp mua phần mềm kế toán HCSN (14 trđ) và phần mềm tổng hợp quyết toán tài chính ngành cho Sở Y tế (29 trđ) (KTX)
	Số dư năm trước chuyển sang.						5.858.129			221.649.100		
	Dự toán giao đầu năm					180.000.000	2.816.000.000	689.000.000	2.791.000.000	2.200.000.000	270.000.000	43.000.000
	Dự toán bổ sung	550.000.000	229.000.000	1.647.000.000	800.505.168		433.064.140	30.000.000				28.000.000
	Dự toán giảm trừ						2.816.000.000	689.000.000				
	Số thu để lại đơn vị			0	0				0	0	0	0
	Dự toán được sử dụng trong năm	550.000.000	229.000.000	1.647.000.000	800.505.168	180.000.000	438.922.269	30.000.000	2.791.000.000	2.421.649.100	270.000.000	71.000.000
	Chi trong quý 1+2 năm 2025			237.296.975	129.142.050	0			0	0	99.260.229	6.000.000
	Chi trong quý 3 năm 2025	126.797.900	229.000.000	64.934.200	96.343.163	0	433.064.140	30.000.000	0	0	14.623.510	0
	Số dư cuối quý 3	423.202.100	0	1.344.768.825	575.019.955	180.000.000	5.858.129	0	2.791.000.000	2.421.649.100	156.116.261	65.000.000
	Chi tiết chi quý 3 năm 2025	126.797.900	229.000.000	64.934.200	96.343.163	0	433.064.140	30.000.000	0	0	14.623.510	0
1052	Thuế TNDN											
1099	Thuế TNDN khác											
1701	Thuế GTGT											
4949	Các khoản thu khác											
6001	Lương theo ngạch, bậc						247.946.400					
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo HD						9.261.001					
6101	Phụ cấp chức vụ						9.360.000					
6103	Phụ cấp thu hút											
6105	Phụ cấp làm thêm giờ											
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, NH											
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề						936.000					
6115	Phụ cấp thâm niên VK, TNN											
6124	Phụ cấp công vụ						64.326.600					

[illegible]

[illegible]

[illegible]

44

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

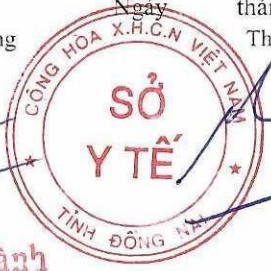
[illegible]

MỤC, TIÊU MỤC	NỘI DUNG	Loại 130/151 KP Hợp đồng theo ND 111 của CCDS BP (TX)	Loại 130/151 (nguồn 18) KP thực hiện chế độ tiền thưởng theo ND 73/2024 (KTX)	Loại 130/151 KP trợ cấp tết (KTX)	Loại 130/151 KP Phòng cháy, chữa cháy (KTX)	Loại 130/151 KP mua máy photocopy (KTX)	Loại 130/151 KP Chương trình Dân số CCDS BP cũ (KTX)	LOẠI 070/085 Kinh phí đào tạo ngành Y tế	LOẠI 070/083 Kinh phí đào tạo ngành Y tế	LOẠI 150/151-10477 Kinh phí CTMT Giảm nghèo bền vững (DA7)	LOẠI 150/151-10517 Kinh phí CTMT Dân tộc thiểu số	LOẠI 150/151-20517 Kinh phí CTMT Dân tộc thiểu số	LOẠI 340/341-10517 Kinh phí CTMT PT KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030: CSSK Nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc
6999	Tài sản và thiết bị khác												
7001	Chi mua hàng hoá, vật tư												
7004	Đồng phục												
7012	Chi mua sách, tài liệu												
7049	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác												
7451	Chi đóng, hỗ trợ tiền đóng tiền BHYT												
7653	Chi hoàn trả các khoản thu về phí và lệ phí												
7753	Chi khắc phục hậu quả thiên tai dịch bệnh												
7756	Chi các khoản phí và lệ phí												
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện												
7761	Chi tiếp khách												
7799	Chi các khoản khác			34.000.000									
8006	Chi tính gián biên chế												
8049	Chi hỗ trợ khác												

Người lập


Nguyễn Ngọc Tuyết Trinh

Kế toán trưởng

Ngày tháng năm 2025
Thủ trưởng

Phạm Quang Thành

Đỗ Thị Nguyên